

Bản án số: 766/2025/DS-PT

Ngày: 17/7/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 519/DSPT ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 31/03/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3069/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9217/2025/QĐPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Trung T**, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: D Khu phố D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Vũ Minh H**, sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ: Tầng I, P, số A V, phường V, Quận C, (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/7/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phan Thị Huyền T1** – Luật sư Công ty L; Địa chỉ: Tầng I, P, số A V, phường V, Quận C, (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồ Ngọc B**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: A P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1975; Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 14/8/2024 tại Văn phòng C.

Địa chỉ: Số A L, xã P, huyện N, (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2024 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Trung T có người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Minh H trình bày:

Nguyên đơn ông Huỳnh Trung T có thỏa thuận cho bị đơn ông Nguyễn Hồ Ngọc B về việc vay tiền, các lần cụ thể như sau:

1. Lần thứ nhất: Hợp đồng vay tiền số công chứng 001683 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2023 lập tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung chính như sau:

+ Ông Huỳnh Trung T cho ông Nguyễn Hồ Ngọc B vay số tiền là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng;

+ Thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 14/4/2023 đến hết ngày 14/10/2023.

+ Lãi suất vay: theo quy định của pháp luật.

+ Phương thức trả lãi: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản khi bên vay thanh toán toàn bộ số tiền vay.

Ngoài ra, hợp đồng vay tiền còn có các điều khoản về phương thức giao tài sản vay, quyền sở hữu đối với tài sản vay, việc nộp phí công chứng, phương thức giải quyết tranh chấp, cam đoan của các bên và điều khoản cuối cùng.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao cho bị đơn đủ số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng vào ngày 14/4/2023, bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản là: 0600 3555 6594 mở tại Ngân hàng S của nguyên đơn đến số tài khoản 0931869968 mở tại Ngân hàng S1 (Ngân hàng TMCP S2) Chủ tài khoản tên là Nguyễn Hồ Ngọc B – bị đơn.

2. Lần thứ hai: Vào ngày 17/5/2023. Lần vay này là do ông B có nói với ông T rằng ông B có nhiều tài sản nên có thể bán đi trả nợ, đảm bảo số tiền vay, kèm theo ông B có cho ông T xem bản photo của giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 000909, số vào sổ cấp GCN: CH 11277, do Ủy ban nhân dân Quận G cấp ngày 15/7/2022 đối với thửa đất số 659 tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích 72m² đứng tên ông Nguyễn Hồ Ngọc B. Do vậy, ông T rất tin tưởng nên đồng ý cho ông B vay tiếp số tiền là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng, ông B cam kết vay mượn tạm thời trong thời hạn 02 tuần sẽ hoàn trả cả tiền gốc và lãi phát sinh trong thời hạn nêu trên nên hai bên không ra công chứng, mà ông T đồng ý cho ông B lập “Giấy vay tiền ngày 17/5/2023” do chính ông B viết ký tên xác nhận và đưa cho ông T giữ bản chính.

Ông T đã giao cho ông B đủ số tiền và ông B cũng đã ký tên xác nhận có nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng vào ngày 17/5/2023. Về hình thức giao tiền, bên ông T đã dùng số tài khoản của mình tên Huỳnh Trung T, số tài khoản là: 190 398 701 87011 mở tại Ngân hàng TMCP K1 - T4 chuyển khoản số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hồ Ngọc B theo thông tin tài khoản nhận tiền của ông Nguyễn Hồ Ngọc B: Chủ tài khoản tên là Nguyễn Hồ Ngọc B, số tài khoản 3336333888 mở tại Ngân hàng TMCP K1 – T4. Ông B thừa nhận đúng.

Đến hạn thanh toán của cả hai hợp đồng vay, phía bị đơn ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng vay nêu trên. Cụ thể:

- *Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023*: Hết thời hạn vay 06 tháng, tính đến ngày 14/10/2023, là ông B vi phạm thời hạn thanh toán vốn gốc, chỉ trả được khoản tiền lãi:

+ Lãi trong hạn: Từ ngày 14/4/2023 đến ngày 14/10/2023: Ông B thanh toán lãi trong hạn với số tiền là 120.000.000 đồng vào ngày 02/6/2023.

+ Sau khoản thời gian này thì bị đơn ông B có thanh toán tiếp tiền lãi cho nguyên đơn ông T với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, cụ thể:

1/ Ngày 20/3/2024 trả 30.000.000 đồng;

2/ Ngày 19/4/2024 trả 30.000.000 đồng;

3/ Ngày 23/5/2024 trả 20.000.000 đồng;

4/ Ngày 24/5/2024 trả 10.000.000 đồng.

- *Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2023*: Đến nay ông B không thanh toán bất kỳ khoản tiền vốn và lãi nào cho ông T.

- Tại Tòa, người đại diện của bị đơn có trình bày về khoản tiền 353.150.000 đồng, bên bị đơn cho rằng đây là số tiền thanh toán lãi cho khoản vay lần thứ hai ngày 17/5/2023. Đối với khoản tiền này ông T thừa nhận, nhưng ông T lý giải: Ngoài hai khoản vay nêu trên, ông B còn đề nghị ông T giúp đỡ những khoản vay riêng lẻ khác, ngắn ngày, nên ông T có chuyển tiền cho ông B vay nhằm giúp ông B lúc cần gấp. Ông B cũng trả lại cho ông T trong ngày hoặc sau vài ngày, cụ thể gồm những giao dịch như sau:

- Ngày 06/7/2023, ông Nguyễn Hồ Ngọc B chuyển vào số tài khoản T4 (19039870187011) số tiền 100.000.000 đồng với mục đích trả tiền vay cho một khoản vay từ người quen của ông T mà ông B đã vay của họ trước đó. Ông T đã thay ông B chuyển trả số tiền này, chứ không phải là trả nợ gốc cho khoản vay ngày 17/5/2023;

- Ngày 04/8/2023: Ông Bảo chuyển ông T 50.150.000 đồng để trả cho khoản vay ngày 03/8/2023 là 50.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 150.000 đồng trên là do ông Nguyễn Hồ Ngọc B gửi thêm để cảm ơn vì ông T đã giúp đỡ ông ấy khi ông B cần tiền gấp.

-Ngày 07/8/2023, ông B trả ông T 44.000.000 đồng để trả cho khoản vay của ông B đối với ông T vào ngày 07/8/2023 là 100.000.000 đồng.

-Ngày 09/8/2023, ông B trả ông T 50.000.000 đồng để trả cho khoản vay của ông B đối với ông T vào ngày 07/8/2023 là 100.000.000 đồng.

-Ngày 11/8/2023, ông B trả ông T 7.000.000 đồng, để trả cho khoản vay của ông B đối với ông T vào ngày 07/8/2023 là 100.000.000 đồng.

Số tiền chênh lệch 1.000.000 đồng là do ông Nguyễn Hồ Ngọc B gửi thêm để cảm ơn vì ông T đã giúp đỡ ông ấy khi ông B cần tiền gấp.

-Đến ngày 14/9/2023, ông B trả ông T 102.000.000 đồng cho khoản vay ngày 02/9/2023 với số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 2.000.000 đồng là do ông Nguyễn Hồ Ngọc B gửi thêm để cảm ơn vì ông T đã giúp đỡ ông ấy khi ông B cần tiền gấp.

Phía nguyên đơn khẳng định, những khoản vay này không nằm trong khoản vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023 và hợp đồng ngày 17/5/2023 (ông B có viết giấy tay). Như vậy, tại hợp đồng ngày 17/5/2023 ông B không trả cho ông T bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào theo thỏa thuận.

Cả hai Hợp đồng vay ngày 14/4/2023 và hợp đồng ngày 17/5/2023 đều là hợp đồng vay có kỳ hạn. Nhưng khi đến hạn trả nợ ông B đều trốn tránh và đến nay không thanh toán. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nên nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật: gồm số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn chưa trả và lãi trên tiền gốc quá hạn chưa trả tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 10.373.750.000 đồng, số tiền này được tính như sau:

1. Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023:

+ Số tiền nợ vốn gốc là 4.000.000.000 đồng.

+ Số tiền nợ lãi trong hạn: Mức lãi suất cho vay là 20%/năm, thời hạn vay 06 tháng, tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 14/10/2023.

$$4.000.000.000 \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 400.000.000 \text{ đồng.}$$

Được trừ số tiền lãi ông B đã trả là 210.000.000 đồng. Như vậy, ông B còn nợ lãi trong hạn là 190.000.000 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả đối với lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 20/01/2025 là:

$$190.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 15 \text{ tháng} = 23.750.000 \text{ đồng.}$$

+ Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất là 30% tính từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 15 tháng.

$$4.000.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/năm \times 15 \text{ tháng} = 1.500.000.000 \text{ đồng}$$

2. Số tiền nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2023:

+ Số nợ vốn gốc là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

+ Số nợ lãi tính trên vốn gốc với mức lãi suất 10% theo quy định, thời gian tính từ ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 20/01/2025 (20 tháng).

$4.000.000.000 \times 10\%/năm \times 20 \text{ tháng} = 660.000.000 \text{ đồng}$

Ngoài ra, kể từ ngày 21/01/2025, ông B vẫn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi và lãi quá hạn cho đến khi thanh toán toàn bộ tiền nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Vũ Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 với số tiền vay gốc là 4.000.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 750.684.931 đồng ($4.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 685 \text{ ngày}$).

Đối với yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn trả lại số tiền vay gốc là 4.000.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi cho phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể: “Số tiền nợ lãi trong hạn với mức lãi suất cho vay là 20%/năm tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 14/10/2023, ông B có nghĩa vụ thanh toán là 190.000.000 đồng; Số tiền lãi chậm trả trong hạn tính từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 23.750.000 đồng; Và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất là 30% tính từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 1.500.000.000 đồng” thành “Số tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc theo mức lãi suất 15%/năm tạm tính từ ngày 15/10/2023 đến ngày 31/3/2025 mà bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 871.868.478 đồng”. Giải thích cho sự thay đổi nêu trên, phía nguyên đơn trình bày như sau:

Do có sự thay đổi về mức lãi suất trong hạn, thay đổi từ “20%/năm” thành “10%/năm”: Dẫn đến thay đổi số tiền lãi trong hạn bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn trong thời hạn 06 tháng (từ ngày 14/4/2023 đến ngày 14/10/2023) là: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 06 \text{ tháng} = 200.000.000 \text{ đồng}$. Tính đến ngày 14/10/2023, bị đơn đã trả được 120.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, vậy còn nợ nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 80.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu trả tiếp số tiền lãi do chậm thanh toán lãi trong hạn tính từ ngày 15/10/2023, số tiền này được tính như sau:

+ Ngày 20/3/2024 bị đơn có trả lãi là 30.000.000 đồng. Nên khoản lãi tính từ ngày 15/10/2023 đến ngày 19/3/2024 là 158 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là: $80.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 158 \text{ ngày} = 3.463.000 \text{ đồng}$. Tính đến ngày 20/3/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 50.000.000 đồng.

+ Ngày 19/4/2024 bị đơn có trả tiếp 30.000.000 đồng tiền lãi. Khoản lãi chậm thanh toán đối với lãi trong hạn 50.000.000 đồng, tính từ ngày 20/3/2024 đến ngày 18/4/2024 là 30 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 410.958 \text{ đồng}$. Tính đến ngày 19/4/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 20.000.000 đồng.

+ Ngày 23/5/2024, bị đơn có trả tiếp 20.000.000 đồng tiền lãi. Nợ lãi chậm thanh toán đối với lãi trong hạn 20.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày 22/5/2024 là 34 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 34 \text{ ngày} = 186.301 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ lãi chậm trả lại trong hạn là 4.060.259 đồng.

-Ngày 24/5/2024, bị đơn có trả tiếp 10.000.000 đồng tiền lãi. Để tiện cho việc tính toán, nguyên đơn cần trừ tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 4.060.259 đồng vào số tiền 10.000.000 đồng này. Số tiền 5.939.741 đồng còn lại nguyên đơn tiếp tục cần trừ vào số tiền lãi quá hạn của bị đơn.

- Và do thay đổi về mức lãi suất trong hạn dẫn đến thay đổi về mức lãi suất quá hạn từ “30%/năm” thành “15%/năm”. Tiền lãi quá hạn từ ngày 15/10/2023 tính đến ngày 31/3/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là: $4.000.000.000 \times 15\%/365 \times 534 \text{ ngày} = 877.808.219 \text{ đồng}$. Cần trừ số tiền lãi 5.939.741 đồng nêu trên vào số tiền 877.808.219.

Do đó, số tiền lãi quá hạn bị đơn còn nợ nguyên đơn là 871.868.478 đồng.

Vì vậy, tính đến ngày 31/3/2025 bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 9.622.553.409 đồng. Trong đó:

+ Số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023 (lập tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 001683 quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD) là 4.871.868.478 đồng, gồm: Nợ vốn gốc là 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 871.868.478 đồng.

+ Số tiền nợ vay theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2025 là 4.750.684.931 đồng, gồm: Nợ vốn gốc là 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 750.684.931 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/4/2025(sau ngày xét xử sơ thẩm), bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay theo giấy vay tiền ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu tiền nợ lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất 15%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023.

Ngoài ra, nguyên đơn tự nguyện cần trừ số tiền 103.150.000 đồng mà ông B đã chuyển cho ông T gồm: 100.000.000 đồng ông B chuyển vào ngày 06/7/2023 cho ông T (mục đích ông B trả tiền vay cho một khoản vay từ người quen của ông T mà ông B đã vay của họ trước đó); Các số tiền chênh lệch do ông B chuyển cảm ơn ông T, nhưng ông T không chứng minh được: 150.000 đồng vào ngày 04/8/2023, số tiền

1.000.000 đồng vào ngày 11/8/2023, số tiền chênh lệch 2.000.000 đồng vào ngày 14/9/2023.

Số tiền 103.150.000 đồng sẽ trừ vào tổng số nợ 9.622.553.409 đồng.

Vậy tổng số tiền bị đơn còn nợ và phải thanh toán cho nguyên đơn là **9.519.403.409 đồng**.

Nguyên đơn khẳng định: trực tiếp thỏa thuận, giao dịch cho vay tiền với ông B, người nhận tiền là ông B, người trả lãi cho khoản vay ngày 14/4/2023 cũng là ông B. Ông T không biết người nào tên Nguyễn Tuấn K như phía bị đơn trình bày. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn một lần ngay khi bản án có hiệu lực. Không yêu cầu ai khác ngoài bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nêu trên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Huyền T1 có đơn xin vắng mặt và gửi bản luận cứ ngày 31/3/2025 trình bày:

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023: Bị đơn đã nhận đủ tiền của khoản vay ngày 14/4/2023, có trách nhiệm trả lãi và gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023 có công chứng là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn đã nhận đủ tiền, hết thời hạn vay tiền đến nay bị đơn chưa hoàn trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật. Bị đơn cho rằng chỉ đứng ra bảo lãnh cho ông Nguyễn Tuấn K vay và ông Nguyễn Tuấn K mới là người phải gốc và tiền lãi cho nguyên đơn là hoàn toàn vô căn cứ. Nguyên đơn khẳng định không biết ông Nguyễn Tuấn K là ai và cũng không có giao dịch vay mượn với người này. Nguyên đơn đã ký hợp đồng với bị đơn, chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn, bị đơn sử dụng tiền vào mục đích nào là của bị đơn, nguyên đơn không có nghĩa vụ chịu trách nhiệm đối với việc bị đơn sử dụng số tiền này.

Đối với Giấy vay tiền ngày 17/5/2023: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ tiền nợ gốc và lãi là hoàn toàn có căn cứ. Mặc dù trong Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 không ghi rõ thời gian trả tiền gốc và lãi, nhưng:

Sau khi hết thời hạn vay và các tháng sau đó, nguyên đơn đã có tin nhắn, gọi điện cho bị đơn để yêu cầu bị đơn trả tiền theo nội dung vi bằng mà nguyên đơn cung cấp (tin nhắn ngày 05/02/2024, 05/03/2024, 23/5/2024,...); Bị đơn xác nhận với nguyên đơn là đang trả lãi chứ không phải trả gốc. Giấy vay tiền là do bị đơn viết nên theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 phải giải thích nội dung Giấy vay tiền theo hướng có lợi cho nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn làm việc thường xuyên qua số điện thoại 0931869968 của bị đơn và số điện thoại 0988549678 của nguyên đơn. Cả hai số điện thoại này đều được đăng ký zalo để nhắn tin và gọi điện. Thông tin này đã được nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là cơ sở để Tòa án liên hệ với bị đơn;

Theo Vi bằng lập ngày 30/10/2024 đối với tin nhắn trao đổi giữa hai bên ngày 23/5/2024, nguyên đơn đã nhắn : “8 tỷ có giấy tờ đảng hoàng, có chuyển khoản đảng hoàng, có chứng cứ đảng hoàng. Nói mượn vài bữa giải ngân nhưng, tin tưởng cho a

mượn giờ đỡ trò gài tui cho lãi cao”. Bị đơn đã xác nhận lại: “*Thì em vẫn đang trả lãi cho a. Chứ em cũng có đâu nói gì đâu*”. Như vậy, việc bị đơn vay số tiền 4.000.000.000 đồng ngày 17/5/2023 trong thời hạn 02 tuần mà nguyên đơn trình bày là có cơ sở. Bên cạnh đó, việc nguyên đơn không công chứng hợp đồng vay một phần là vì thời gian vay quá ngắn chỉ có 02 tuần, bên nguyên đơn tin tưởng mà không ký công chứng hợp đồng vay. Đồng thời bị đơn đã viết Giấy vay tiền và trao cho nguyên đơn điều này hoàn toàn có thể lấy được lòng tin của nguyên đơn; Số 4.000.000.000 đồng là số tiền lớn, nguyên đơn không thể cho vay mà không có thời hạn khi nào sẽ trả như bị đơn trình bày.

Bị đơn cho rằng khoản vay ngày 17/5/2023 là vay vô thời hạn nhưng lại trả gốc trước khoản vay ngày 14/4/2023 là mâu thuẫn với nhau;

Nguyên đơn xác định số tiền 563.150.000 đồng mà nguyên đơn nhận từ bị đơn thì có 353.150.000 đồng là bị đơn trả cho các khoản mượn ngắn hạn khác chứ không phải trả tiền gốc cho khoản vay ngày 17/5/2023:

+ Ngày 06/7/2023, bị đơn chuyển cho nguyên đơn 100.000.000 đồng với mục đích trả tiền vay cho một khoản vay từ người quen của nguyên đơn mà bị đơn đã mượn. Sau đó nguyên đơn đã chuyển khoản trả lại số tiền này;

+ Ngày 03/08/2023, bị đơn mượn 50.000.000 đồng. Ngày 04/08/2023, bị đơn trả 50.150.000 đồng.

+ Ngày 07/08/2023, bị đơn mượn 100.000.000 đồng. Ngày 07/08/2023, bị đơn trả 20.000.000 đồng, cùng ngày 07/08/2023 trả 24.000.000 đồng, 09/08/2023 trả 50.000.000 đồng, ngày 11/08/2023 trả 7.000.000 đồng.

+ Ngày 02/09/2023, bị đơn vay 100.000.000 đồng. Ngày 14/9/2023, bị đơn trả 102.000.000 đồng.

+ Số tiền chênh lệch là bị đơn cảm ơn nguyên đơn đã giúp đỡ khi khó khăn là hoàn toàn dễ hiểu.

Như vậy tổng số tiền mà bị đơn mượn ngắn ngày nêu trên là: 353.150.000 đồng cộng với 210.000.000 đồng tiền lãi mà bị đơn trả lãi cho khoản vay ngày 14/4/2023 thì đúng bằng 563.150.000 đồng mà bị đơn đã nêu ra.

Như vậy, có thể thấy bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 563.150.000 đồng là không có căn cứ. Thay vào đó, số tiền 563.150.000 đồng mà nguyên đơn đã nhận được từ bị đơn là gồm 353.150.000 đồng trả cho các khoản tiền mượn khác và 210.000.000 đồng là tiền lãi cho khoản vay ngày 14/4/2023. Bị đơn chưa trả bất cứ khoản lãi và tiền gốc nào cho khoản vay ngày 17/5/2023.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồ Ngọc B có ông Cao Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 17/9/2024 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 02/12/2024 trình bày:

Ông Nguyễn Hồ Ngọc B thừa nhận có quen biết ông Huỳnh Trung T nên vào khoảng tháng 4/2023 do có nhu cầu vốn kinh doanh và biết ông Huỳnh Trung T là người chuyên cho vay tiền lấy lãi nên ông Nguyễn Hồ Ngọc B có đề nghị vay ông

Huỳnh Trung T số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), thời hạn vay 06 (sáu) tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2023 ông Huỳnh Trung T và ông Nguyễn Hồ Ngọc B ký kết Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1, số công chứng 001683 với nội dung như đã nêu trên.

Tuy nhiên, sau ngày công chứng Hợp đồng vay tiền trên, ông Nguyễn Hồ Ngọc B đã sắp xếp được tiền kinh doanh nên không còn nhu cầu vay mượn tiền từ ông Huỳnh Trung T nữa. Vì vậy, ông Huỳnh Trung T không chuyển tiền vay cho ông Nguyễn Hồ Ngọc B theo như nội dung Hợp đồng vay tiền số 001683 được ký ngày 14/4/2023 giữa ông Huỳnh Trung T và ông Nguyễn Hồ Ngọc B.

Đối với khoản vay ngày 17/5/2023, do nhu cầu vay tiền để mua bất động sản, ông Nguyễn Hồ Ngọc B có đề nghị ông Huỳnh Trung T vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn), thời hạn vay: không quy định cụ thể, chỉ ghi nhận khi ông B hoàn tất công việc sẽ hoàn trả; lãi suất: không quy định lãi suất, thời điểm trả lãi.... Số tiền vay theo giấy vay tiền này đã được ông Huỳnh Trung T chuyển đầy đủ vào tài khoản 3336333888 đứng tên ông Nguyễn Hồ Ngọc B mở tại Ngân hàng TMCP K1 (T4). Trong quá trình vay mượn khoản tiền trên, ông Nguyễn Hồ Ngọc B đã thanh toán cho ông Huỳnh Trung T số tiền như sau:

- Chuyển từ tài khoản đứng tên ông Nguyễn Hồ Ngọc B tại Ngân hàng TMCP S2 đến tài khoản số tài khoản ông Huỳnh Trung T:

1/Ngày 06/7/2023 chuyển số tiền: 100.000.000 đồng;

2/Ngày 4/8/2023 chuyển số tiền: 50.150.000 đồng;

3/Ngày 8/8/2023 chuyển số tiền: 50.000.000 đồng;

4/Ngày 11/8/2023 chuyển số tiền: 7.000.000 đồng;

5/Ngày 14/9/2023 chuyển số tiền: 102.000.000 đồng;

6/Ngày 20/3/2024 chuyển số tiền: 30.000.000 đồng;

7/Ngày 18/4/2024 chuyển số tiền: 30.000.000 đồng;

8/Ngày 23/5/2024 chuyển số tiền: 20.000.000 đồng;

9/Ngày 24/5/2024 chuyển số tiền: 10.000.000 đồng;

Tổng cộng: **399.150.000** đồng.

Chuyển từ tài khoản đứng tên ông Nguyễn Hồ Ngọc B mở tại Ngân hàng TMCP A đến tài khoản ông Huỳnh Trung T: Ngày 07/8/2023 chuyển số tiền: 24.000.000 đồng.

Chuyển khoản từ tài khoản đứng tên ông Nguyễn Hồ Ngọc B mở tại Ngân hàng TMCP K1 đến tài khoản ông Huỳnh Trung T:

-Ngày 2/6/2023 chuyển số tiền: 120.000.000 đồng;

-Ngày 7/8/2023 chuyển số tiền: 20.000.000 đồng;

Tổng cộng: 140.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng ông Nguyễn Hồ Ngọc B đã trả cho ông Huỳnh Trung T số tiền là **563.150.000 đồng** (Năm trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Khoản vay trên chưa đến hạn thanh toán vì ông B chưa hoàn tất công việc mua

bất động sản và/hoặc không vi phạm các điều khoản về trả gốc lãi.

Từ những trình bày trên, bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là ông Huỳnh Trung T. Kính đề nghị quý Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi các lẽ sau:

Khoản vay ngày 14/4/2023 có ký Hợp đồng vay tiền công chứng nhưng ông Nguyễn Hồ Ngọc B thực tế không nhận tiền vay nên không có nghĩa vụ trả nợ;

Khoản vay ngày 17/5/2023 là khoản vay không có thời hạn trả nợ cụ thể, ông B chưa hoàn thành xong công việc theo thỏa thuận và cũng không vi phạm các điều khoản trong Giấy vay tiền nên ông T không có cơ sở để khởi kiện đòi nợ gốc, lãi ông B.

Đề nghị Tòa án xem xét căn trừ số tiền 563.150.000 đồng mà ông B đã thanh toán cho ông T vào nợ gốc tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 được ký kết giữa ông T và ông B.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2024 do ông Đ gửi đến Tòa án qua dịch vụ bưu chính, trình bày:

Ông Nguyễn Hồ Ngọc B và ông Huỳnh Trung T có quen biết nhau từ trước, biết ông Huỳnh Trung T là người chuyên cho vay tiền nên vào khoảng tháng 4/2023. Do có người quen biết với ông B là ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1992, CMND số 272228965, thường trú tại: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai có nhu cầu vay tiền để kinh doanh nên ông Nguyễn Hồ Ngọc B đã giới thiệu ông Nguyễn Tuấn K đến để vay tiền ông Huỳnh Trung T. Do mới biết ông Nguyễn Tuấn K nên ông Huỳnh Trung T chưa thực sự tin tưởng ông K và đề nghị ông Nguyễn Hồ Ngọc B đứng tên hộ ông Nguyễn Tuấn K để ông K vay tiền ông Huỳnh Trung T (Đứng tên hộ trên Hợp đồng vay tiền).

Ngày 14/4/2023 ông Huỳnh Trung T và ông Nguyễn Hồ Ngọc B ký kết Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1, số công chứng 001683 với số tiền vay 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn), thời hạn vay 06 (sáu) tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hợp đồng vay tiền trên chỉ là hình thức (Ông Nguyễn Hồ Ngọc B chỉ đứng tên giúp ông Nguyễn Tuấn K còn người vay tiền và sử dụng tiền vay là ông Nguyễn Tuấn K).

Đối với giấy vay tiền ngày 17/5/2023, thì phía bị đơn trình bày giống với bản tự khai ngày 17/9/2024 như nêu trên.

Đồng thời, khẳng định phía bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là ông Huỳnh Trung T. Và đề nghị:

Đưa ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1992, CMND số 272228965, thường trú tại: ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào làm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên để việc giải quyết vụ án trên đảm bảo khách quan, toàn diện và triệt để hơn.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi các lẽ sau:

+ Khoản vay ngày 14/4/2024 có ký Hợp đồng vay tiền công chứng nhưng ông Nguyễn Hồ Ngọc B chỉ là người đứng tên hộ ông Nguyễn Tuấn K, chịu trách nhiệm trả nợ gốc lãi (nếu có) cho ông Huỳnh Trung Trục T2 về ông Nguyễn Tuấn K.

+ Khoản vay ngày 17/5/2024 là khoản vay không có thời hạn trả nợ cụ thể, ông B chưa hoàn thành xong công việc theo thỏa thuận và cũng không vi phạm các điều khoản trong Giấy vay tiền nên ông Huỳnh Trung T không có cơ sở để khởi kiện đòi nợ gốc, lãi ông Nguyễn Hồ Ngọc B.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phán quyết căn trừ số tiền 563.150.000 đồng mà ông Nguyễn Hồ Ngọc B đã thanh toán cho ông Huỳnh Trung T vào nợ gốc tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 được ký kết giữa ông Huỳnh Trung T và ông Nguyễn Hồ Ngọc B.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn chỉ cung cấp 02 bản tự khai và tham gia phiên họp hòa giải như nêu trên, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/01/2025, không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 31/03/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay Tòa án nhân dân khu vực 6) Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung T:

1.1 Ông Nguyễn Hồ Ngọc B còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ phát sinh Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024 số công chứng 001683 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là: 9.622.553.409 (Chín tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng, trong đó:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024, số công chứng 001683 là 4.871.868.478 (Bốn tỷ tám trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng. Gồm:

+ Số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 871.868.478 (Tám trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng.

1.2. Số tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 là: 4.750.684.931 (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi một) đồng. Gồm:

- Số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng;

- Số tiền lãi từ ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là: 750.684.931 (Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi một) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất 15%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu

nợ lãi theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Cấn trừ số tiền 103.150.000 (Một trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng vào tổng số tiền nợ phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024 và Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 là 9.622.553.409 (Chín tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 9.519.403.409 (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả một lần cho nguyên đơn ông Huỳnh Trung T số tiền 9.519.403.409 (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Nguyễn Hồ Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.519.403 (Một trăm mười bảy triệu năm trăm mười chín ngàn bốn trăm lẻ ba) đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Trung T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.015.500 (Năm mươi chín triệu không trăm mười lăm ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0019729 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo và thi hành bản án.

Sau khi Bản án sơ thẩm đã tuyên, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

-Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là ông Nguyễn Tuấn K. Ông K là người vay tiền, còn ông B chỉ đứng tên vay dùm theo hợp đồng vay tiền. Do đó, ông K phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T đối với số tiền vay tại hợp đồng ngày 14/4/2023.

Đối với hợp đồng vay ngày 17/5/2023, ông B thừa nhận còn nợ ông T nhưng chưa có khả năng trả vào lúc này. Hơn nữa, khi ghi giấy nợ ông B không có ghi thời hạn nên xem là hợp đồng không xác định thời hạn, khi nào có đủ điều kiện hoặc ông B thực hiện xong công việc thì sẽ trả tiền cho ông T. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

-Nguyên đơn: Không đồng ý toàn bộ kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới, cũng không đề nghị thương lượng thỏa thuận, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

-*Về thủ tục tố tụng:* Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

-*Về nội dung:* Không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án số 38/2025/DS-ST ngày 31/03/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay Tòa án nhân dân khu vực 6) Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồ Ngọc Bảo đảm B đúng về thời hạn, thủ tục kháng cáo thực hiện đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và tư cách tham gia tố tụng của đương sự được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồ Ngọc B: Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của đương sự, yêu cầu khởi kiện đối chiếu với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ, các lời trình bày thẩm tra công khai và đối chất tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng, Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa ông Nguyễn Tuấn K vào tham gia tố tụng làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Đối với hợp đồng vay ngày 17/5/2023 thì ông B thừa nhận hiện còn nợ ông T, nhưng chưa có khả năng trả nợ vào thời điểm này. Vì đây là Hợp đồng vay không có

thời hạn nên khi nào có đủ điều kiện trả hoặc ông B thực hiện xong công việc thì sẽ hoàn trả tiền cho ông T.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho rằng, hợp đồng vay ngày 14/4/2023 và hợp đồng vay ngày 17/5/2023 đều là cho cá nhân ông Nguyễn Hồ Ngọc B vay, không biết ông Nguyễn Tuấn K là ai, không có bất cứ giấy tờ hay chứng cứ gì có liên quan đến người thứ ba là ông Nguyễn Tuấn K. Đối với khoản vay ngày 14/4/2023 ông B là người nhận tiền vay, là người trả lãi. Không có bất kỳ đối tượng nào tên Nguyễn Tuấn K tham gia vào giao dịch này. Nên ông B phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay gồm nợ gốc và nợ lãi.

Đối với khoản vay ngày 17/5/2023, ông B đã thừa nhận khoản nợ, đây là số tiền ông T cho ông B vay ngắn hạn và tin tưởng nên hai bên không lập hợp đồng vay mà ông B chỉ viết giấy nợ để đảm bảo làm tin, thế nên nội dung của “Giấy vay tiền ngày 17/5/2023” là ông B tự viết. Nay, ông T vẫn yêu cầu ông B trả đúng và đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi như hai bên thỏa thuận ban đầu.

[2.3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đều thống nhất có 02 khoản nợ vay: Khoản vay ngày 14/4/2023 có lập hợp đồng vay tại phòng công chứng với số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Và khoản vay ngày 17/5/2023, lần vay này thỏa thuận miệng không có lập hợp đồng vay, nhưng ông B có viết “Giấy vay tiền ngày 17/5/2023” với số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản vay là 8.000.000.000 đồng.

[2.4] Người đại diện cho bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do khoản vay ngày 14/4/2023 là của ông Nguyễn Tuấn K vay, phải đưa ông Nguyễn Tuấn K vào tham gia tố tụng, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông K vào trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không thể hiện có sự liên quan nào của ông K đối với ông T và ông B. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cũng không nêu ra được ông K là ai, tài liệu chứng cứ chứng minh có sự liên quan để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Như vậy, đây chỉ là lời trình bày của bên ông B không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với hợp đồng vay ngày 17/5/2023, người đại diện của bị đơn thừa nhận ông B có vay của ông T, nhưng hiện ông B chưa có khả năng trả và theo “Giấy vay tiền ngày 17/5/2023” ông B có viết *“Tôi cam kết sau khi hoàn tất công việc sẽ hoàn lại số tiền đã mượn cùng lãi phát sinh thời hạn chậm nhất”* như vậy với nội

dung này thì không xác định thời hạn thanh toán nên bị đơn ông B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Qua đối chất tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên thừa nhận hợp đồng vay ngày 17/5/2023 hai bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Theo thỏa thuận này, ông T chỉ cho ông B vay trong thời hạn ngắn là hai tuần, tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông B có viết “Giấy vay tiền ngày 17/5/2023” nhằm thừa nhận số nợ, để làm tin và cam kết trả nợ chứ không phải như thỏa thuận ban đầu. Đây là tờ giấy ngoài việc thể hiện số nợ còn nêu ý chí của ông B về cách trả nợ, còn phía ông T chưa ký nhận đồng ý theo nguyện vọng trả nợ này của ông B. Do vậy, việc ông B đến nay chưa trả vốn, lãi là vi phạm vào sự thỏa thuận ban đầu của hai bên.

Ông T có đòi ông B trả nợ rất nhiều lần thông qua rất nhiều tin nhắn điện thoại, các lần trao đổi bằng tin nhắn đã được lập Vi bằng (Vi bằng lập tại Văn phòng T5 ngày 30/10/2024-Số bút lục từ 90-97). Trong rất nhiều tin nhắn điện thoại qua lại giữa hai bên, tại các tin nhắn ngày 23/5/2024 (số BL 93) nội dung thể hiện rõ: Ông T: *“Nói mượn vài bữa giải ngân trả lại nhưng tin tưởng cho anh mượn giờ dở trò gài tui cho lãi cao”* “Anh coi có đúng với tui chưa”; Ông B: *“Thì em vẫn đang trả lãi cho anh”* “Chứ em có nói gì đâu”; Ông T: *“Lấy L1 còn nói cao”*; Ông B: *“Em nói lúc trước thôi. Còn bây giờ em trả được”*; Ông T: *“Lúc trước chưa trả tôi đồng nào”*. Vậy, qua các tin nhắn, thể hiện rất rõ về các nội dung như sau: Ông T yêu cầu trả nợ của ông B rất nhiều lần; Thời gian cho vay ngắn hạn (vài bữa); Mục đích vay để giải ngân trả nợ ngân hàng và chưa trả lãi lần vay ngày 17/5/2023. Phía bị đơn ông B đều hoàn toàn đồng ý đối với các tin nhắn đã lập Vi bằng. Như vậy, nội dung của các tin nhắn hoàn toàn phù hợp theo lời trình bày của ông T với lời thừa nhận được đối chất tại phiên tòa phúc thẩm của hai bên đương sự. Nên không có cơ sở cho rằng hợp đồng vay ngày 17/5/2023 là không thời hạn và khi nào xong công việc của bị đơn thì bị đơn mới trả nợ. Điều này không được phía nguyên đơn chấp nhận. Bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh, nên việc ông T khởi kiện buộc ông B phải trả lại toàn bộ số tiền vốn và lãi là có căn cứ.

[2.6] Tại phiên tòa, bị đơn có nêu rằng đã trả được tổng cộng các lần chuyển khoản tiền 563.150.000 đồng cho ông T là trả lãi của hợp đồng vay ngày 17/5/2023, không phải của khoản vay ngày 14/4/2023. Tuy rằng hai bên không có kháng cáo về

khoản tiền này, nhưng Hội đồng xét xử vẫn xem xét để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Nhận thấy, về số tiền này nguyên đơn có giải trình từng khoản tiền bị đơn đã chuyển và tự nguyện cản trừ lại những khoản chưa chứng minh được vào tiền lãi và bên bị đồng ý. Vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và tính toán về số tiền này là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng cũng chỉ trình bày mà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì lẽ đó không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồ Ngọc B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 31/03/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay Tòa án nhân dân khu vực 6) Thành phố Hồ Chí Minh

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung T:

1.1 Ông Nguyễn Hồ Ngọc B còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ phát sinh Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024 số công chứng 001683 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là: 9.622.553.409 (Chín tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng, trong đó:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024, số công chứng 001683 là 4.871.868.478 (Bốn tỷ tám trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng. Gồm:

+ Số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15/10/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 871.868.478 (Tám trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng.

1.2. Số tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 là: 4.750.684.931 (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi một) đồng. Gồm:

- Số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng;
- Số tiền lãi từ ngày 17/5/2023 tạm tính đến ngày 31/3/2025 là: 750.684.931 (Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi một) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất 15%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu nợ lãi theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Cấn trừ số tiền 103.150.000 (Một trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng vào tổng số tiền nợ phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2024 và Giấy vay tiền ngày 17/5/2023 là 9.622.553.409 (Chín tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 9.519.403.409 (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả một lần cho nguyên đơn ông Huỳnh Trung T số tiền 9.519.403.409 (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Nguyễn Hồ Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.519.403 (Một trăm mười bảy triệu năm trăm mười chín ngàn bốn trăm lẻ ba) đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Trung T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.015.500 (Năm mươi chín triệu không trăm mười lăm ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0019729 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí phúc thẩm: Ông B phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0056342 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND phúc thẩm tối cao;
- VKSND phúc thẩm tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7(nay là Tòa án KV 6);
- Chi cục THADS Quận 7(nay là Phòng THA KV 6);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim